

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 14-01-2019

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thọ Viên

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Nhung

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án thụ lý số 144/2018/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2018 về vụ việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 728/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6233/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Quách T, sinh năm: 1967

Địa chỉ: đường Phạm Văn Nghị, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1972

Địa chỉ: đường Phạm Văn Nghị, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Ngọc H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trình bày của ông Quách T:

Ông và bà H tự nguyện kết hôn vào năm 1992, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 08 do Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, Thành phố B đăng ký ngày 05/3/1993).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hòa hợp, bất đồng về lối sống, tính cách, quan điểm nuôi dạy con cái trong công việc làm ăn kinh tế cũng bất đồng, xúc phạm nhau làm cho đời sống chung luôn căng thẳng. Về nội bộ gia đình, đã có sự hòa giải và vợ chồng đã trao đổi, góp ý nhưng không có kết quả. Do quá mệt mỏi nên ông đã ra ngoài sống ly thân hơn một năm nay. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Ông xác nhận quá trình chung sống giữa ông và bà H có 03 người con chung là:

1. Quách Ngọc L , sinh ngày 13/9/1993 (đã trưởng thành)
2. Quách Thành N , sinh ngày 11/11/1999 (đã trưởng thành)
3. Quách Thùy T1, sinh ngày 07/1/2008.

Ông trình bày mặc dù hai con Ngọc L và Thành N đã đến tuổi trưởng thành nhưng trên thực tế thì chỉ có con gái lớn Ngọc L là có việc làm còn con trai Thành N đang theo học tại Trường Đại học Quốc tế RMIT nên học phí rất cao ông đều phải chu cấp. Do đó ông đề nghị giao trẻ Quách Thùy T1 cho bà H nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác nhận tài sản chung của vợ chồng gồm:

1. 01 căn hộ tại địa chỉ Phú Mỹ Hưng, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 6.000.000.000 đồng
2. 01 chiếc xe hơi Mazda CX5 có biển số 51F-... với giá trị 800.000.000 đồng
3. 01 căn hộ tại địa chỉ đường Phạm Văn Nghị, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 2.600.000.000 đồng.

Ông xin tự thỏa thuận giải quyết. Tuy nhiên, do bà H có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa chia đôi khối tài sản trên. Ông cũng đồng ý với yêu cầu phản tố của bà H là chia đôi tài sản chung nhưng ông yêu cầu được chia bằng hiện vật, cụ thể: Ông yêu cầu được sở hữu căn hộ tại địa chỉ đường Phạm Văn Nghị, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 2.600.000.000 đồng và 01 chiếc xe hơi Mazda CX5 có biển số 51F-... với giá trị 800.000.000 đồng. Còn căn hộ tại địa chỉ Phú Mỹ Hưng, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 6.000.000.000 đồng sẽ bán ngay sau khi ly hôn, ông T sẽ sở hữu 1.300.000.000 đồng tiền chênh lệch chia tài sản chung từ tiền bán căn nhà này, còn bà H sẽ sở hữu 4.700.000.000 đồng từ tiền bán căn hộ này.

- Về nợ chung, nợ riêng: Ông xác nhận không có.

Trước đây ông T có Đơn yêu cầu đề ngày 05/9/2018 về việc chia tài sản chung yêu cầu được nhận 5.900.000.000 đồng và đã nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí vào ngày 12/9/2018 nhưng sau đó ông T không nộp tiền tạm ứng

án phí và tại phiên hòa giải ngày 26/9/2018, ông nộp Đơn đề nghị rút đơn yêu cầu chia tài sản chung nêu trên, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

Vợ chồng bà tự nguyện kết hôn có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Chỉ từ năm 2012 khi vợ chồng bà chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, thì mọi mối quan hệ xã hội có sự thay đổi. Những năm đầu, cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường, chỉ khoảng hơn 2 năm trở lại đây do ông T có những mối quan hệ khác nên thường xuyên về khuya, bà khuyên bảo nhiều ông T không thay đổi mà chuyển ra ngoài thuê nhà sống riêng. Từ đó gây cho bà nhiều bức xúc vì bản thân bà không có lỗi trong cuộc sống vợ chồng mà do hành động của ông T bỏ mặc bà nên nhiều khi bà không kiềm chế được nên vợ chồng có lời qua tiếng lại. Nay, bà xác định có mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn nên bà không đồng ý.

Về con chung: Bà xác nhận có ba con chung như ông T trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Quách Thùy T1, sinh ngày 07/1/2008 và đề nghị ông T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà xác nhận tài sản chung và giá trị khối tài sản chung của vợ chồng như ông T trình bày là đúng. Bà xác nhận giấy tờ của các tài sản trên do ông T đang quản lý. Bà H có đơn yêu cầu phản tố ngày 22/6/2018 đề nghị chia đôi giá trị nhà và xe theo giá trị thực tế sau khi bán. Bà và ông T đều thỏa thuận thống nhất tổng giá trị ba tài sản này là 9.400.000.000 đồng.

Về nợ chung, nợ riêng: Bà xác nhận không có.

Ngày 11/9/2018, bà Hoa có đơn yêu cầu phản tố bổ sung cho rằng ông T hiện đang đại diện đứng tên gửi tại các Ngân hàng và Công ty chứng khoán là 8.000.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với số tiền này, mỗi người được sở hữu 4.000.000.000 đồng và yêu cầu buộc ông T phải thanh toán 150.000.000 đồng là tiền cấp dưỡng nuôi con chung từ khi ông T rời khỏi nhà.

Ngày 26/9/2018, bà H nộp đơn xin rút lại phần đơn yêu cầu phản tố bổ sung nêu trên.

Tại bản án số 728/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Quách T được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc H
- Về con chung: các đương sự xác nhận có 03 con chung là:
  1. Quách Ngọc L , sinh ngày 13/9/1993 (đã trưởng thành)
  2. Quách Thành N , sinh ngày 11/11/1999 (đã trưởng thành)
  3. Quách Thùy T1, sinh ngày 07/1/2008.

Giao bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Quách Thùy T1, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 01 dương lịch hàng

tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 11/2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ông Quách T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, thì hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm:

1. 01 căn hộ tại địa chỉ Phú Mỹ Hưng, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 6.000.000.000 đồng.

2. 01 chiếc xe hơi Mazda CX5 có biển số đăng ký 51F-.... trị giá 800.000.000 đồng.

3. 01 căn hộ tại địa chỉ đường Phạm Văn Nghị, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 2.600.000.000 đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản chung giữa ông T và bà H, cụ thể như sau:

Ông T, bà H thống nhất giá trị khối tài sản chung của vợ chồng là 9.400.000.000 đồng, sau khi ly hôn mỗi người nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị của ba tài sản trên là 4.700.000.000 đồng, bằng cách ông T được quyền sở hữu 01 căn hộ tại địa chỉ đường Phạm Văn Nghị, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 2.600.000.000 đồng và 01 chiếc xe hơi Mazda CX5 có biển số 51F-.... trị giá 800.000.000 đồng. Còn căn hộ tại địa chỉ Phú Mỹ Hưng, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 6.000.000.000 đồng sẽ bán ngay sau khi ly hôn. Bà H được sở hữu 4.700.000.000 đồng từ tiền bán căn hộ này. Ông T được sở hữu 1.300.000.000 đồng tiền chênh lệch chia tài sản chung từ tiền bán căn hộ này. Trong thời gian chờ bán căn hộ, bà H là người trực tiếp quản lý, sử dụng căn hộ này.

Trong quá trình tiến hành bán căn hộ Phú Mỹ Hưng, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, nếu một bên cố tình gây khó khăn kéo dài thời gian bán nhà, thì bên kia có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành phát mãi căn nhà này để đảm bảo thi hành án.

Ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành, bà H có trách nhiệm làm thủ tục sang tên cho ông T được trọn quyền đứng tên sở hữu căn hộ tại địa chỉ đường Phạm Văn Nghị, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, nếu bà H không thực hiện thì ông T được tự mình liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục đăng bộ sang tên quyền sở hữu căn hộ nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ phần yêu cầu phản tố bổ sung do bà H rút lại yêu cầu giải quyết đối với ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là số tiền ông Quách T đại diện đứng tên gửi tại các Ngân hàng và Công ty chứng khoán là 4.000.000.000 đồng và yêu cầu về việc buộc ông T phải thanh toán 150.000.000 đồng là tiền phải đóng góp nuôi dưỡng con chung từ khi ông T bỏ nhà đi nơi khác sống.

- Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự xác nhận không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0025513 ngày 23 tháng 05 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A. Ông Quách T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 112.700.000 đồng (một trăm mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản chung.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được chia là 112.700.000 đồng (một trăm mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.362.500 đồng (năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số AA/2017/0025701 ngày 12 tháng 07 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A. Bà H còn phải nộp 56.337.500 đồng (năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Hoàn lại bà H số tiền tạm ứng án phí bổ sung là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0026068 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A lập do bà H rút yêu cầu phản tố bổ sung.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018 bà Nguyễn Ngọc H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, với yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn với ông Quách T vì vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng.

Về tài sản chung: Bà không đồng ý với cách chia tài sản của án sơ thẩm, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Bà đề nghị tòa cấp phúc thẩm xem xét chia lại để đảm bảo quyền lợi của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông Quách T. Ông Quách T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H.

Con chung và tài sản chung: Trong trường hợp tòa án giải quyết ly hôn thì bà Nguyễn Ngọc H và ông Quách T đề nghị công nhận sự thỏa thuận của hai bên

theo Biên bản ghi nhận thỏa thuận của đương sự ngày 26/12/2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về con chung và tài sản chung như sau:

Về con chung: Ông T và bà H có 3 con chung là Quách Ngọc L, sinh ngày 13/9/1993 (đã trưởng thành), Quách Thành N, sinh ngày 11/11/1999 (đã trưởng thành), Quách Thùy T1, sinh ngày 07/1/2008.

Giao bà Nguyễn Ngọc H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Quách Thùy T1, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, gồm có:

1. Căn hộ đường Phạm Văn Nghi, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 2.600.000.000 đồng;
2. Căn hộ Phú Mỹ Hưng, phường Y, Quận A trị giá 6.000.000.000 đồng;
3. 1 chiếc xe Mazda CX5 biển số 51F-.... trị giá trị giá 800.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chung là 9.400.000.000 đồng. Sau khi ly hôn mỗi bên nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản là 4.700.000.000 đồng, cụ thể:

Ông Thắng được quyền sở hữu 1 căn hộ đường Phạm Văn Nghi, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và 1 chiếc xe Mazda CX5 biển số 51F-....

Đối với Căn hộ Phú Mỹ Hưng, phường Y, Quận A sẽ được ông T và bà H tự thỏa thuận bán trong thời hạn 06 tháng. Trong thời gian chờ bán căn hộ, bà H là người trực tiếp quản lý, sử dụng căn hộ này. Sau khi bán xong bà H có trách nhiệm giao lại cho ông T số tiền là 1.300.000.000 đồng. Quá thời hạn thỏa thuận bán nhà thì một trong hai bên có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thẩm định, định giá tài sản, làm thủ tục bán căn hộ nói trên theo quy định của pháp luật. Sau khi trừ các chi phí tại cơ quan thi hành án, thuế, phí mua bán nhà (mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$ ) thì bà H có trách nhiệm giao lại cho ông T số tiền là 1.300.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H nhận.

Sau khi thực hiện việc mua bán xong căn hộ số Phú Mỹ Hưng, phường Y, Quận A và bà H giao đủ cho ông T số tiền 1.300.000.000 đồng thì ông T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sở hữu căn hộ đường Phạm Văn Nghi, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh sang tên mình theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc H.

Quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc H.

Tài sản chung và con chung: Sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như đã nêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc H làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc H có đủ căn cứ để xác định:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 08 do Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, Thành phố B cấp ngày 05/3/1993 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Quách T và bà Nguyễn Ngọc H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn ông T và bà H phát sinh trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến nay, nguyên nhân là do bất đồng về lối sống, tính cách, quan điểm nuôi dạy con cái và công việc làm ăn. Thực tế cả hai đều thừa nhận không còn sống chung, không còn duy trì đời sống quan hệ vợ chồng từ tháng 08/2017 đến nay. Bản thân bà H mong muốn được đoàn tụ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm đến phúc thẩm cho đến nay, bà H cũng không có giải pháp nào đưa ra để ông bà được đoàn tụ. Tại hai cấp xét xử bà H không giữ được bình tĩnh lại có lời lẽ xúc phạm ông T ngay trước Tòa, bà luôn cho rằng mâu thuẫn vợ chồng hoàn toàn do lỗi của ông T. Chính sự áp đặt này của bà H làm cho mối quan hệ vợ chồng ngày một căng thẳng, trầm trọng hơn. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là có căn cứ, giữ nguyên phần này của án sơ thẩm nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

Về con chung và tài sản chung: Trong trường hợp tòa án giải quyết ly hôn thì bà Nguyễn Ngọc H và ông Quách T đề nghị công nhận sự thỏa thuận của hai bên theo như nội dung đã nêu tại phiên tòa phúc thẩm. Việc thỏa thuận của ông T và bà H là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được công nhận. Do đó cấp phúc thẩm sửa phần này của án sơ thẩm, việc sửa án không có lỗi của cấp sơ thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Ngọc H do sửa một phần án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc H.

Sửa một phần bản án sơ thẩm, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Quách T được ly hôn bà Nguyễn Ngọc H .
- Về con chung và tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Con chung: Ông T và bà H có 3 con chung là Quách Ngọc L , sinh ngày 13/9/1993(đã trưởng thành), Quách Thành N , sinh ngày 11/11/1999 (đã trưởng thành), Quách Thùy T1, sinh ngày 07/1/2008.

Giao bà Nguyễn Ngọc H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Quách Thùy T1, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng cho đến khi con trưởng thành.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở quyền này.

Vì quyền và lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, gồm có:

1. Căn hộ đường Phạm Văn Nghi, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 2.600.000.000 đồng;
  2. Căn hộ Phú Mỹ Hưng, phường Y, Quận A trị giá 6.000.000.000 đồng;
  3. 1 chiếc xe Mazda CX5 biển số 51F-.... trị giá trị giá 800.000.000 đồng.
- Tổng trị giá tài sản chung là 9.400.000.000 đồng. Sau khi ly hôn mỗi bên nhận ½ giá trị tài sản là 4.700.000.000 đồng, cụ thể:

Ông T được quyền sở hữu 1 căn hộ đường Phạm Văn Nghi, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và 1 chiếc xe Mazda CX5 biển số 51F-....

Đối với Căn hộ Phú Mỹ Hưng, phường Y, Quận A sẽ được ông T và bà H tự thỏa thuận bán trong thời hạn 06 tháng. Trong thời gian chờ bán căn hộ, bà H là người trực tiếp quản lý, sử dụng căn hộ này. Sau khi bán xong bà H có trách nhiệm giao lại cho ông T số tiền là 1.300.000.000 đồng. Quá thời hạn thỏa thuận bán nhà thì một trong hai bên có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thẩm định, định giá tài sản, làm thủ tục bán căn hộ nói trên theo quy định của pháp luật. Sau khi trừ các chi phí tại cơ quan thi hành án, thuế, phí mua bán nhà (mỗi bên chịu ½) thì bà H có trách nhiệm giao lại cho ông T số tiền là 1.300.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H nhận.

Sau khi thực hiện việc mua bán xong căn hộ Phú Mỹ Hưng, phường Y, Quận A và bà H giao đủ cho ông T số tiền 1.300.000.000 đồng thì ông T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sở hữu căn hộ đường Phạm Văn Nghi, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh sang tên mình theo quy định pháp luật.



- Đình chỉ phần yêu cầu phản tố bổ sung do bà H rút lại yêu cầu giải quyết đối với ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là số tiền ông Quách T đại diện đứng tên gửi tại các Ngân hàng và Công ty chứng khoán là 4.000.000.000 đồng và yêu cầu về việc buộc ông T phải thanh toán 150.000.000 đồng là tiền phải đóng góp nuôi dưỡng con chung từ khi ông T bỏ nhà đi nơi khác sống.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Ông Quách T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0025513 ngày 23 tháng 05 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Quách T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 112.700.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được chia là 112.700.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.362.500 đồng theo biên lai số AA/2017/0025701 ngày 12 tháng 07 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H còn phải nộp 56.337.500 đồng.

Hoàn lại bà H số tiền tạm ứng án phí bổ sung là 56.000.000 đồng theo biên lai thu số 0026068 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng cho bà Nguyễn Ngọc H theo Biên lai thu số 0026224 ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận A;
- Chi Cục THADS Quận A;
- UBND phường N, quận Đ, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thọ Viên**

